

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 407 /QĐ-HVTC ngày 14 / 4 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Tên Tiếng Anh: Information Technology)
- MÃ NGÀNH: 7480201
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
(Tên Tiếng Anh: Artificial Intelligence in Finance and Accounting)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: 13.01
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP: Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG: Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH: 2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Trí tuệ nhân tạo (AI) trong Tài chính - Kế toán, ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên sâu về AI, học máy, xử lý dữ liệu, đặc biệt dữ liệu trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; về kinh tế, tài chính, kế toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán; có kỹ năng phân tích dữ liệu tài chính, dự báo thị trường, quản trị rủi ro, tự động hóa kế toán và kiểm toán, xây dựng và phát triển mô hình AI, lập trình và triển khai giải pháp công nghệ hiện đại để hỗ trợ ra quyết định trong tài chính, kế toán và kiểm toán; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý, làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (POs: Program Objectives)

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về GDQP&AN, GDTC để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước.

PO2: - Có kiến thức nền tảng về toán học, khoa học máy tính, lập trình và cơ sở dữ liệu, kiến trúc máy tính và hệ điều hành, lập trình Python, ngôn ngữ R, trí tuệ nhân tạo, nguyên lý kế toán, tài chính tiền tệ làm nền tảng cho việc phát triển các ứng dụng AI trong Tài chính - Kế toán trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Công nghệ thông tin như hệ quản trị cơ sở dữ liệu, lập trình hướng đối tượng, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, lập trình ứng dụng và ngành trí tuệ nhân tạo như: học máy, học máy nâng cao, trí tuệ nhân tạo, kinh tế lượng để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán.

- Có kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, kế toán tài chính, phân tích tài chính; kiến thức về học sâu, đạo đức trong trí tuệ nhân tạo, xử lý dữ liệu lớn, công nghệ tài chính, phân tích dự báo dữ liệu tài chính, thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, quản trị dự án công nghệ thông tin nhằm bổ trợ chuyên sâu cho ngành CNTT để người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực khai phá dữ liệu tài chính, các mô hình ngôn ngữ lớn, xây dựng và phát triển các mô hình Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán.

- Có kiến thức chuyên sâu về xử lý dữ liệu, phân tích và biểu diễn dữ liệu dựa trên các mô hình AI.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng lập trình, thao tác xử lý với hệ quản trị cơ sở dữ liệu, phát triển được các giải pháp AI, xây dựng và triển khai các mô hình AI để phân tích, dự báo dữ liệu tài chính cho hỗ trợ ra quyết định, tự động hóa kế toán, kiểm toán, giao dịch tài chính và quản lý rủi ro,...

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân;

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ quốc tế liên quan.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán, ngành Công nghệ thông tin của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp đa dạng trong các lĩnh vực khác nhau, từ cơ quan Nhà nước đến các doanh nghiệp (DN) trong nước và quốc tế; cụ thể:

- Chuyên gia xây dựng AI cho Tài chính - Kế toán; Tư vấn AI cho Tài chính - Kế toán; Kiểm toán AI; Quản lý rủi ro tài chính bằng AI; Phát hiện gian lận trong Tài chính - Kế toán; Phát triển chatbot tài chính; Xử lý ngôn ngữ tự nhiên tài chính; Phân tích tín dụng AI; Dự báo tài chính AI; Phát triển ứng dụng AI tài chính; Bảo mật tài chính AI; Tích hợp AI vào ERP tài chính; Tư vấn và triển khai giải pháp trí tuệ nhân tạo, đặc biệt trong Tài chính - Kế toán; Chuyên gia tư vấn quản trị doanh nghiệp; ...

- Chuyên viên phát triển sản phẩm Fintech, chuyên viên phát triển thuật toán giao dịch tự động, chuyên viên tư vấn công nghệ tài chính

- Chuyên viên tư vấn, triển khai hệ thống thông tin cho các doanh nghiệp.

- Lập trình viên, phân tích hệ thống và triển khai tại các doanh nghiệp cung cấp phần mềm, giải pháp về AI.

- Nghiên cứu viên, cán bộ trợ giảng, cán bộ giảng dạy tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu.

- Chuyên viên chuyên giao quy trình, công nghệ AI thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng, thương mại điện tử.

Sau một thời gian có kinh nghiệm làm việc, chuyên viên ngành AI trong Tài chính - Kế toán có thể phát triển tiếp lên các vị trí như:

- Trưởng dự án phát triển công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo; trưởng nhóm Nghiên cứu AI trong Tài chính.

- Trưởng phòng AI trong Kiểm toán; Trưởng phòng AI Phát hiện Gian lận; Trưởng phòng AI trong Tài chính;...

- Giám đốc sản phẩm AI tài chính; Giám đốc Trí tuệ Nhân tạo Tài chính; Giám đốc Quản lý rủi ro bằng AI; Giám đốc đổi mới và AI; Giám đốc Phát triển công nghệ Tài chính AI; Giám đốc Chiến lược AI cho Tài chính doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán, ngành Công nghệ thông tin đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: - Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, toán học và tối ưu cơ bản sử dụng cho trí tuệ nhân tạo, các kỹ thuật lập trình, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành**

PLO4: - Hiểu và vận dụng các cấu trúc dữ liệu và giải thuật để xây dựng các thuật toán xử lý trên các cấu trúc dữ liệu đơn giản và phức tạp, nắm vững kiến thức về kiến trúc máy tính, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu và thiết lập hệ thống máy chủ AI.

- Hiểu và vận dụng các khái niệm và nguyên lý cơ bản về trí tuệ nhân tạo, các kiến thức về ngôn ngữ lập trình Python, ngôn ngữ R để lập trình xử lý dữ liệu và xây dựng các mô hình trí tuệ nhân tạo.

- Hiểu và vận dụng các nguyên lý kế toán, tài chính – tiền tệ vào thực tế doanh nghiệp. Nhận biết và xử lý dữ liệu tài chính bằng các phương pháp lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu; vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và hỗ trợ**

PLO5: - Hiểu và vận dụng các nguyên tắc phân tích thiết kế hệ thống, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu Tài chính - Kế toán. Nắm vững các mô hình lập trình hiện đại, bao gồm lập trình hướng đối tượng, lập trình ứng dụng..

- Hiểu và vận dụng các nguyên tắc, phương pháp học máy, học sâu điển hình cũng như các mô hình học sâu hiện đại để xây dựng các mô hình trí tuệ nhân tạo xử lý, phân tích, khai phá dữ liệu Tài chính - Kế toán.

PLO6: - Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp căn bản; Kế toán tài chính; Các mô hình kinh tế lượng; Công nghệ tài chính; Quản lý dự án công nghệ thông tin để hỗ trợ chuyên môn cho lĩnh vực trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán.

- Vận dụng các kiến thức về mô hình học tăng cường, xử lý ngôn ngữ tự nhiên vào phân tích và dự báo dữ liệu tài chính bằng trí tuệ nhân tạo; các kiến thức về thị giác máy tính trong tiếp cận, giải quyết vấn đề chuyên môn cho lĩnh vực trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán và các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học máy tính khác hướng tới liên thông ngang sang các ngành đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Hiểu và vận dụng các phương pháp khai phá dữ liệu, phân tích và trực quan hóa dữ liệu để tiền xử lý dữ liệu đầu vào cho các mô hình trí tuệ nhân tạo và xây dựng các thông tin đầu ra phù hợp với yêu cầu.

- Hiểu nguyên tắc, kỹ thuật xây dựng các mô hình trí tuệ nhân tạo ngôn ngữ lớn để xây dựng các mô hình xử lý dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn trong tài chính.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về mô kiến trúc của một ứng dụng trí tuệ nhân tạo để xây dựng các mô hình Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán; triển khai và tối ưu hóa các mô hình Trí tuệ nhân tạo.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế/Trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng thành thạo lập trình với một số ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình cho học máy và các thư viện lập trình trí tuệ nhân tạo,

thành thạo thao tác xử lý với hệ quản trị cơ sở dữ liệu để xây dựng và triển khai mô hình dự đoán, phân tích dữ liệu tài chính.

- Có kỹ năng xử lý, làm sạch và phân tích dữ liệu tài chính bằng một số công cụ, ngôn ngữ xử lý dữ liệu. Ứng dụng các mô hình AI đã có để phân tích và tiền xử lý dữ liệu.

- Có kỹ năng thiết kế, xây dựng, phát triển và triển khai các mô hình, giải pháp AI để phân tích, dự báo dữ liệu tài chính cho hỗ trợ ra quyết định, tự động hóa kế toán, kiểm toán, giao dịch tài chính và quản lý rủi ro.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình; soạn thảo văn bản; quản lý và tổ chức công việc; tư duy phản biện và đàm phán; quản lý thời gian và làm việc nhóm; làm việc độc lập, khoa học và chuyên nghiệp; thấu hiểu để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Tên môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1.	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2.	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3.	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4.	VPP0401	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	30	
5.	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6.	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7.	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
8.	MFA0102	Cơ sở toán học cho trí tuệ nhân tạo	3	45	
9.	OAI0219	Tối ưu hóa và ứng dụng cho trí tuệ nhân tạo	2	30	
10.	PBT1001	Kỹ thuật lập trình	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11.	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12.	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30	
13.	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30	
14.	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
15.	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16.	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17.	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18.	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19.	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20.	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21.	AED0353	Bơi	2	60	
22.	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23.	AED0355	Cầu lông	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
24.	AED0356	Taekwondo	2	60	
25.	AED0359	Thẻ dực phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26.	DMA0300	Toán rời rạc	3	45	
27.	DSA0007	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28.	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29.	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30.	APR0125	Nguyên lý kế toán	2	30	
31.	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
32.	ALI0101	Trí tuệ nhân tạo	4	60	
33.	PBP0001	Lập trình Python căn bản	3	45	
34.	DAT0100	Nhập môn cơ sở dữ liệu	2	30	
35.	CAO1001	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	2	30	
36.	RLA2010	Ngôn ngữ R	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
37.	MEL0101	Học máy	3	45	
38.	DAT0101	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	30	
39.	OOP1001	Lập trình hướng đối tượng	2	30	
40.	ISD1010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	30	
41.	AML0102	Học máy nâng cao	2	30	
42.	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
43.	APP0212	Lập trình ứng dụng	3	45	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		Phần bắt buộc	12		
44.	DAI2010	Triển khai và tối ưu hóa mô hình trí tuệ nhân tạo	2	30	
45.	FDM0001	Khai phá dữ liệu tài chính	3	45	
46.	AFA0101	Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán	4	60	
47.	LLM0110	Mô hình ngôn ngữ lớn	3	45	
		Phần tự chọn	2		
48.	DAV0080	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu	2	30	
49.	REL0356	Học tăng cường	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
50.	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
51.	AFB0100	Kế toán tài chính cơ bản	2	30	
52.	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30	
53.	DPL0106	Học sâu	4	60	
54.	AIE0210	Đạo đức trong trí tuệ nhân tạo	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
55.	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
56.	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
57.	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
58.	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
59.	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
60.	FFA0140	Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính	2	30	
61.	FLT0120	Công nghệ tài chính	2	30	
62.	COV1111	Thị giác máy tính	2	30	
63.	NLP0298	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	2	30	
64.	BDP1110	Xử lý dữ liệu lớn	2	30	
65.	ITM1111	Quản lý dự án công nghệ thông tin (Information technology project management)	2	30	Tiếng Anh
B6		Thực tập tốt nghiệp	10		
66.	SPR1301	Thực tập tốt nghiệp – 13.01	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	<i>4</i>	<i>60</i>	
		<i>Đồ án tốt nghiệp</i>	<i>6</i>	<i>90</i>	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn		x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn				x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp							x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành đồ án tốt nghiệp).

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể:

1) Phương pháp thuyết giảng; 2) Phương pháp thảo luận; 3) Phương pháp làm việc nhóm; 4) Phương pháp tranh biện; 5) Phương pháp tình huống; 6) Phương pháp trải nghiệm thực tế; 7) Phương pháp thực hành; 8) Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Công nghệ thông tin; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Trí tuệ nhân tạo trong Tài chính - Kế toán được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA (PT)**



Phạm Minh Ngọc Hà

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Thị Thủy